TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29/ 01/ 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Văn Đông.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lang Thanh Tùng.
2/ Ông Hà Văn Đức.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lang Thanh Như – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 184/2025/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Viết H**, sinh năm: 1978; Số CCCD 040078003556.
Địa chỉ: Xóm S, xã T, tỉnh Nghệ An. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị **Vương Thị H1**, sinh năm: 1983; Số CCCD 040183013964.
Địa chỉ: Xóm S, xã T, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2025 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Viết H trình bày:

Anh Lê Viết H đăng ký kết hôn với chị Vương Thị H1 vào ngày 06/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q cũ (nay là xã T), tỉnh Nghệ An. Sau một thời gian chung sống với nhau vì lý do kinh tế gia đình vợ chồng đi làm xa mỗi người một nơi, qua thời gian tình cảm vợ chồng phai nhạt, từ đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng, không còn sự quan tâm, hỗ trợ, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, công việc dẫn đến ly thân từ năm 2019, đến nay anh H thấy rằng cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, luôn trong tình trạng căng thẳng nên anh Lê Viết H yêu cầu được giải quyết ly hôn với chị Vương Thị H1.

Về con chung: Giữa anh Lê Viết H và chị Vương Thị H1 có với nhau 03 (ba) người con chung Lê Thị Trà M, sinh ngày 15/11/2003, Lê Thị Thảo M1, sinh ngày 14/9/2008 và Lê Trung H3, sinh ngày 20/01/2010. Theo lời trình bày của nguyên đơn, từ lúc vợ chồng sống ly thân chị H1 rất ít trở về nhà, không có sự quan tâm, gần gũi con chung, bản thân anh H có đủ điều kiện, khả năng kinh tế nuôi dưỡng các con trưởng thành, người con đầu Lê Thị Trà M đã trưởng thành, lập gia đình riêng nên không yêu cầu giao nuôi, đối với hai người con Lê Thị Thảo M2 và Lê Trung H3, giải quyết ly hôn anh H đề nghị giao cả hai người con chung cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và không yêu cầu buộc chị H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Viết H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Vương Thị H1, sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn, cũng như giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo đúng quy định, vì lý do riêng chị H1 không có mặt tại nơi cư trú trong những lần tống đạt. Qua xác minh tại địa phương, lấy lời khai của người thân cung cấp xác định chị H1 có địa chỉ nơi đăng ký thường trú và cư trú tại bản xóm S, xã T, tỉnh Nghệ An, ngoài ra không có thông tin về việc đăng ký cư trú, làm việc hay tạm trú tại địa chỉ khác, người thân cho biết chị H1 vẫn trở về địa phương cư trú tại nhà mẹ đẻ, thường xuyên liên lạc cho người thân, đã được người thân thông báo và biết rõ sự việc nguyên đơn khởi kiện giải quyết ly hôn nhưng không rõ lý do gì chị H1 không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ việc theo yêu cầu hoặc có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để gửi Tòa án xem xét theo quy định. Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua người thân là người con đầu đã lập gia đình riêng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, người thân cam kết giao tận tay, đồng thời thông báo cho bên bị đơn được biết để có mặt tham gia giải quyết vụ án hoặc có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn. Bị đơn sau khi được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định, không rõ vì lý do gì vẫn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án, do đó Tòa án tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của 02 (hai) người con chung chưa thành niên là Lê Thị Thảo M1, sinh ngày 14/9/2008 và Lê Trung H3, sinh ngày 20/01/2010, hai người con chung chưa đủ 18 tuổi cùng có ý kiến trình bày nguyện vọng, mong muốn tiếp tục được chung sống cùng với bố đẻ là anh Lê Viết H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tại phiên tòa: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự,

quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn tuy đã được tống đạt văn bản tố tụng theo quy định nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó cần xem xét áp dụng quy định bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

Đề nghị áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân dự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để xét xử:

Về quan hệ hôn nhân cần xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Lê Viết H được ly hôn chị Vương Thị H1.

Xem xét tiếp tục giao 02 (hai) người con chung là Lê Thị Thảo M1, sinh ngày 14/9/2008 và Lê Trung H3, sinh ngày 20/01/2010 cho anh Lê Viết H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Vương Thị H1 là phù hợp, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, bị đơn không có ý kiến phản hồi do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Viết H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với bị đơn chị Vương Thị H1, đề nghị giao 02 (hai) người con chung chưa đủ 18 tuổi (tính tới thời điểm giải quyết vụ án) cho bên nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

[1.1] Qua xác minh tại địa phương, xác định bị đơn chị Vương Thị H1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm S, xã T, tỉnh Nghệ An. Ngoài ra chị H1 không có thông tin nơi đăng ký tạm trú, làm việc hoặc nơi ở tại địa chỉ khác, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân dự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An là đúng quy định.

[1.2] Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi hay cung cấp địa chỉ để Tòa án liên lạc làm việc theo quy định. Căn cứ hướng dẫn theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cùng văn bản pháp luật liên quan, xác định vụ án thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ và vắng mặt nên Tòa án vẫn tiếp tục tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định. Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó cần căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện, chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, cố tình vắng mặt, không cung cấp địa chỉ cũng như không có văn bản phản hồi, nêu ý kiến của mình đối với những yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn về việc giải quyết vụ án theo quy định, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua xác minh và lời khai của đương sự cung cấp cho thấy anh Lê Viết H và chị Vương Thị H1 đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q cũ (nay là xã T), tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đảm bảo điều kiện kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa hai bên được công nhận hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong thời gian đi làm xa nhà do cách xa nhau về khoảng cách, thời gian, lâu ngày dẫn đến mâu thuẫn và sống ly thân, không còn sự quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Theo ý kiến nguyên đơn ngoài ra bị đơn không có trách nhiệm chăm lo, xây dựng hạnh phúc gia đình, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng, không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cả hai sống ly thân đã lâu không còn tình cảm để hàn gắn, đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án và xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng cho thấy, giữa vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, nguyên đơn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn, bị đơn không có ý kiến phản hồi. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Viết Hùng giải quyết cho ly hôn đối với chị Vương Thị H1.

[4] Về con chung: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, cũng như xác minh về hoàn cảnh, môi trường sống, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của con chung và ý kiến của đương sự, xét thấy rằng việc giao nuôi con chung chưa thành niên khi giải quyết ly hôn phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho

sự phát triển, trưởng thành của con chưa thành niên về sau này. Xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều đang trong độ tuổi lao động, có thu nhập để nuôi con chung, tuy nhiên căn cứ vào tài liệu, chứng cứ khách quan thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cho thấy, từ khi vợ chồng ly thân chị H1 không có sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi con chung, không có mặt tham gia giải quyết vụ án nên không đảm bảo điều kiện để được xem xét giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, tại thời điểm xác minh giải quyết vụ án anh H là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung Lê Thị Thảo M1, sinh ngày 14/9/2008 và Lê Trung H3, sinh ngày 20/01/2010, thường xuyên quan tâm, chăm sóc, gần gũi con chung, do đó cần tiếp tục giao các con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo không làm xáo trộn nơi ở, sinh hoạt và học tập của con chung, tạo sự gần gũi về mặt tình cảm gia đình, cũng như phù hợp với nguyện vọng, tâm sinh lý phát triển của các con chung là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên, anh H không yêu cầu chị H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nguyên đơn cam kết có thu nhập, chỗ ở ổn định đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung về mọi mặt cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt, không có văn bản phản hồi ý kiến về những yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không có căn cứ chứng minh về công việc, điều kiện kinh tế, mức thu nhập và khả năng cấp dưỡng nuôi con chung, do đó cần xem xét tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bị đơn là phù hợp.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Tại nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Viết H không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Bị đơn cố ý vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi của mình về phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng để làm căn cứ xem xét giải quyết. Xét thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không nhằm mục đích để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc với bên thứ ba, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chưa được giải quyết (nếu có), sau này nếu xảy ra tranh chấp hai bên có quyền tự thỏa thuận hoặc khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Viết H được ly hôn chị Vương Thị H1.

2. Con chung: Giao 02 (hai) người con chung Lê Thị Thảo M1, sinh ngày 14/9/2008 và Lê Trung H3, sinh ngày 20/01/2010 cho anh Lê Viết H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Vương Thị H1.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Án phí: Anh Lê Viết H chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí (trực tuyến) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0003282 ngày 28/11/2025 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã T, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hà Văn Đông